

NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA ĐỘI TUYỂN BÓNG ĐÁ NAM SINH VIÊN ĐẠI HỌC HUẾ

RESEARCH ON THE CURRENT STATUS OF FACTORS AFFECTING THE ORGANIZATION AND ACTIVITIES OF THE MALE STUDENT FOOTBALL TEAM OF HUE UNIVERSITY

Trịnh Xuân Hồng, Trần Thị Thuỳ Linh, Trần Thanh Tú,
Nguyễn Văn Cường, Nguyễn Thị Quỳnh Nga

ThS, Khoa Giáo dục thể chất – Đại Học Huế

Received: 15/8/2025; Accepted: 26/8/2025; Published: 5/9/2025

Tóm tắt: Qua nghiên cứu tìm hiểu thực trạng tổ chức hoạt động tập luyện và thi đấu của đội tuyển bóng đá nam sinh viên Đại học Huế, chúng tôi đã đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến việc tổ chức hoạt động của đội. Những hạn chế về cơ sở vật chất, sân bãi, trang thiết bị tập luyện; chi phí vận hành, thời tiết khắc nghiệt, xung đột lịch học hoặc do điều kiện kinh tế khó khăn, sinh viên phải đi làm thêm... đã ảnh hưởng đến việc sắp xếp thời gian của sinh viên, dẫn đến việc duy trì tập luyện chưa tốt, ảnh hưởng đến thành tích thi đấu của đội tuyển bóng đá nam sinh viên Đại học Huế.

Từ khóa: Thực trạng, sinh viên nam, tập luyện, thi đấu, Bóng đá, Đại học Huế.

Abstract: Through the study to find out the current situation of organizing training and competition activities of the Hue University male student football team, we have assessed the factors affecting the organization of the team's activities. Limitations in facilities, training grounds and equipment; operating costs, harsh weather, conflict with school schedules or due to difficult economic conditions, students have to work part-time... affect the arrangement of students' time, leading to poor training maintenance, affecting the competition performance of the Hue University male student football team.

Keywords: Current situation; Male students, training, competition, Football, Hue University.

1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây phong trào thể dục thể thao trong sinh viên Đại học Huế phát triển rất sôi nổi và phong phú. Nổi lên trong bức tranh sinh động đó bóng đá là môn thể thao được rất nhiều em sinh viên yêu thích, tập luyện và thi đấu. Để đáp ứng nhu cầu của sinh viên và cũng thông qua kênh bóng đá sinh viên để quảng bá hình ảnh cho Đại học Huế nói chung, Lãnh đạo Đại học Huế đã chỉ đạo cho Hội TT-ĐH&CN Huế, các tổ chức đoàn thể nỗ lực tiến hành tổ chức các hoạt động tập luyện, thi đấu cho bóng đá SV Đại học Huế, trên cơ sở đó tuyển chọn tài năng để thành lập đội tuyển bóng đá nam Đại học Huế tham gia thi đấu các giải sinh viên trong Tỉnh, khu vực và trên toàn quốc. Tuy nhiên những khó khăn về điều kiện sân bãi, cơ sở vật chất; điều kiện thời tiết khắc nghiệt (nắng nóng, mưa nhiều); SV không có nhiều thời gian để tập luyện do thời gian để học tập và làm thêm nhiều; kinh phí dành cho hoạt động thể thao nói chung và môn Bóng đá nói riêng còn hạn chế ... khiến việc tổ chức tập luyện và duy trì thành tích thi đấu của đội tuyển bóng đá nam SV Đại học Huế chưa tốt. Vì vậy cần tiến hành nghiên cứu để có giải pháp khắc phục, góp phần nâng cao hiệu quả tập luyện, thi đấu của đội tuyển bóng đá nam SV Đại học Huế.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

2.1.1. Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu

Bài viết sử dụng phương pháp này bằng cách thu thập các tài liệu chuyên môn có liên quan được lấy từ các nguồn tài liệu khác nhau và khai thác các nguồn tài liệu chưa được tiếp xúc. Đây là sự tiếp nối, bổ sung các luận cứ khoa học và tìm hiểu một cách triệt để những vấn đề liên quan đến công tác tổ chức, quản lý, hoạt động của đội tuyển bóng đá nam sinh viên Đại học Huế.

2.1.2. phương pháp phỏng vấn

Mẫu khách thể khảo sát bao gồm 20 cán bộ, GV phụ trách phong trào TDTT ở các Trường, đơn vị thuộc, trực thuộc ĐHH và những giảng viên có kinh nghiệm giảng dạy, huấn luyện môn bóng đá tại Khoa Giáo dục thể chất - Đại học Huế (gọi chung là CB, GV) và 60 nam SV Đại học Huế.

2.1.3. Phương pháp thảo luận nhóm trọng tâm (Focus group discussion)

Chúng tôi tổ chức một cuộc thảo luận nhóm trọng tâm có 10 đại biểu tham gia gồm: Đại diện Hội TTĐH&CN Huế, đại diện lãnh đạo và giảng viên có chuyên môn giảng dạy và huấn luyện Bóng đá Khoa Giáo dục thể chất, đại diện các các Trường thành viên, đơn vị thuộc và trực thuộc Đại học Huế, đại diện SV là thành viên đội tuyển bóng đá nam SV Đại học Huế.

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Thực trạng về tổ chức hoạt động tập luyện, thi đấu của đội bóng đá nam SV Đại học Huế

Bảng 2.1. Đánh giá về nội dung tổ chức hoạt động của đội bóng đá nam SV Đại học Huế.

TT	Nội dung	CB, GV (n=20)		SV (n=60)	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Thành lập, quản lý, phát triển CLB bóng đá SV Đại học Huế để SV tham gia tập luyện thường xuyên	1,00	0,00	1,00	0,00
2	Thường xuyên thành lập đội tuyển tham gia thi đấu khi có các giải bóng đá sinh viên trong tỉnh, khu vực và trên cả nước	2,84	0,44	2,64	0,55
3	Thành phần của đội tuyển được tổ chức chặt chẽ, có phân công nhiệm vụ cụ thể, ngày càng chuyên môn hoá	2,47	0,53	2,40	0,64
4	Kinh phí tập luyện và thi đấu của đội tuyển được chu cấp đầy đủ	2,26	0,85	2,37	0,47
5	Tổ chức tuyển chọn SV tham gia đội tuyển một cách bài bản, chính quy và có hệ thống.	2,25	0,59	2,36	0,62
6	Kế hoạch huấn luyện và thi đấu được xây dựng một cách chặt chẽ, bài bản, phong phú	2,27	0,69	2,42	0,45
	TBC	2,18	0,50	2,20	0,51

Kết quả khảo sát cho thấy có 01 nội dung chưa được thực hiện tốt là “Thành lập, quản lý, phát triển CLB bóng đá SV Đại học Huế để SV tham gia tập luyện thường xuyên”. 2 nội dung thực hiện tốt là “Thường xuyên thành lập đội tuyển tham gia thi đấu khi có các giải bóng đá sinh viên trong tỉnh, khu vực và trên cả nước” và “Thành phần của đội tuyển được tổ chức chặt chẽ, có phân công nhiệm vụ cụ thể, ngày càng chuyên môn hoá”. Các nội dung còn lại được thực hiện ở mức khá và trung bình. Như vậy, để nâng cao chất lượng tập luyện, thi đấu của đội tuyển bóng đá nam SV Đại học Huế cần chú trọng thành lập CLB để những SV có đam mê thỏa mãn nhu cầu được tham gia tập luyện thường xuyên, góp phần phát hiện tài năng, bồi dưỡng chuyên môn để duy trì và nâng cao thành tích thi đấu của đội tuyển bóng đá nam SV Đại học Huế.

2.2.2. *Thực trạng về đội ngũ cán bộ, giảng viên tham gia công tác tổ chức, huấn luyện cho đội tuyển bóng đá nam SV Đại học Huế*

Bảng 2.2. Đánh giá về đội ngũ cán bộ, giảng viên tham gia công tác tổ chức, huấn luyện cho đội tuyển bóng đá nam SV Đại học Huế.

TT	Nội dung	CB, GV (n=20)		SV (n=60)	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Đội ngũ làm công tác tổ chức, huấn luyện có trình độ chuyên môn cao, có nhiều kinh nghiệm phong phú đáp ứng tốt yêu cầu công việc	2,84	0,44	2,64	0,55
2	Số lượng cán bộ, GV chuyên môn đủ để đáp ứng nhu cầu tập luyện, thi đấu bóng đá của SV Đại học Huế	2,26	0,85	2,77	0,47
3	Đội ngũ cán bộ chuyên môn có tinh thần trách nhiệm cao, nhiệt huyết, sẵn sàng tham gia công tác tổ chức, huấn luyện và thi đấu khi Đại học Huế có nhu cầu	2,88	0,46	2,86	0,52
	TBC	2,66	0,58	2,76	0,51

Kết quả ở bảng 2.2 cho thấy rằng, cả CB, GV lẫn SV đều đánh giá đội ngũ cán bộ, GV làm công tác chuyên môn của đội tuyển bóng đá nam SV Đại học Huế ở mức tốt cả về mặt số lượng, trình độ chuyên môn lẫn nhiệt huyết và thái độ nghề nghiệp. Đây là một thế mạnh rất lớn cần được tiếp tục phát huy.

2.2.3. *Thực trạng về cơ sở vật chất phục vụ hoạt động tập luyện, thi đấu của đội tuyển bóng đá nam SV ĐH Huế*

Bảng 2.3. Đánh giá về cơ sở vật chất phục vụ công tác tập luyện, thi đấu của đội tuyển bóng đá nam SV ĐH Huế.

TT	Nội dung	CB, GV (n=20)		SV (n=60)	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Diện tích đất đáp ứng được nhu cầu hoạt động tập luyện và thi đấu của đội bóng đá sinh viên nam Đại Học Huế	1,69	0,83	1,60	0,57
2	Dụng cụ, trang thiết bị phục vụ tập luyện và thi đấu bóng đá, tài liệu TĐTT đáp ứng nhu cầu của SV	1,60	0,80	1,65	0,53
3	Số lượng công trình TĐTT phục vụ tập luyện và thi đấu đáp ứng nhu cầu của SV	1,63	0,86	1,63	0,55
4	CSVC phục vụ hoạt động TĐTT hằng năm được đầu tư cải tạo, nâng cấp, xây mới để đáp ứng nhu cầu của SV	1,72	0,93	1,65	0,61
	TBC	1,66	0,86	1,63	0,57

Qua bảng 2.3 thấy rằng, cả CB, GV lẫn SV đều đánh giá điều kiện CSVC phục vụ hoạt động tập luyện, thi đấu môn Bóng đá tại Đại học Huế ở mức chưa tốt. Đây là nội dung được đánh giá thấp nhất trong các nội dung đánh giá về thực trạng hoạt động tổ chức tập luyện, thi đấu môn Bóng đá cho SV Đại học Huế. Như vậy, muốn duy trì và phát triển phong trào tập luyện bóng đá, từ đó làm nền tảng để nâng cao chất lượng của đội tuyển bóng đá nam SV Đại học Huế, Đại học Huế cần có phương án đầu tư cải tạo sân bãi, xây mới CSVC, đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa TDTT tại Đại học Huế.

2.2.4. Thực trạng về các yếu tố khác ảnh hưởng đến công tác tổ chức hoạt động của đội tuyển bóng đá nam SV Đại học Huế.

Bảng 2.4. Đánh giá về các yếu tố khác ảnh hưởng đến việc tập luyện, thi đấu của đội tuyển bóng đá SV Đại học Huế.

TT	Nội dung	CB, GV (n=20)		SV (n=60)	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Đặc thù thời tiết khắc nghiệt, nắng lắm mưa nhiều cản trở SV tập luyện thường xuyên.	2,08	0,67	2,14	0,55
2	Không có CLB để duy trì tập luyện và không có địa điểm tập luyện thường xuyên dành cho đội tuyển bóng đá nam SV Đại học Huế khiến SV phải tập luyện, thi đấu một cách tự phát trong thời gian không tập trung đội tuyển.	3,00	0,00	2,94	0,12
3	Thời gian học chuyên ngành và tham gia các hoạt động ở trường làm ảnh hưởng đến thời gian tham gia tập luyện bóng đá của SV.	1,93	0,54	2,22	0,49
4	Nhiều SV có điều kiện kinh tế khó khăn, phải đi làm thêm là một trong những nguyên nhân cản trở SV tham gia tập luyện thường xuyên	2,20	0,69	2,32	0,45
5	Nhiều sinh viên tham gia thi đấu cho các đội bóng phùi trên địa bàn Thành phố Huế và được bồi dưỡng kinh phí cao cũng là nguyên nhân ảnh hưởng đến tập luyện và thi đấu của đội tuyển	2,26	0,85	2,77	0,47
	TBC	2,29	1,69	2,48	0,41

Kết quả ở bảng 2.4 cho thấy trong các yếu tố trên thì yếu tố “Không có CLB để duy trì tập luyện và không có địa điểm tập luyện thường xuyên dành cho

đội tuyển bóng đá nam SV Đại học Huế khiến SV phải tập luyện, thi đấu một cách tự phát trong thời gian không tập trung đội tuyển” là yếu tố có ảnh hưởng lớn nhất đến hoạt động tập luyện và thi đấu bóng đá của sinh viên Đại học Huế, ý kiến này được cả CB, GV lẫn SV tán thành ở mức cao. Các yếu tố còn lại đều được CB, GV và SV đánh giá có tác động ở mức trung bình.

3. Kết luận

Công tác tổ chức hoạt động tập luyện, thi đấu của đội tuyển bóng đá nam SV Đại học Huế trong giai đoạn hiện nay còn gặp nhiều khó khăn do nhiều nguyên nhân khác nhau như: hạn chế về sân bãi dụng cụ, cơ sở vật chất phục vụ tập luyện; kinh phí hỗ trợ cho đội bóng còn hạn chế; thời tiết khắc nghiệt, SV bận lịch học và sinh hoạt tại trường cũng như điều kiện kinh tế khó khăn nên phải đi làm thêm ngoài giờ học ... đặc biệt là chưa có câu lạc bộ để các em có thể thường xuyên tham gia tập luyện, thỏa mãn đam mê và khát khao chinh phục của mình.

Tài liệu tham khảo

[1]. Nguyễn Găng (2015), *Nghiên cứu xây dựng mô hình liên kết thể dục thể thao giữa Đại học Huế và các tổ chức thể dục thể thao trên địa bàn Thành phố Huế*, luận án tiến sĩ Khoa học giáo dục, Viện Khoa học thể dục thể thao Việt Nam.

[2]. Nguyễn Thị Thủy (2016), *Nghiên cứu giải pháp phát triển phong trào thể dục thể thao biển quần chúng ở Miền Bắc Việt Nam*, luận án tiến sĩ khoa học giáo dục, Trường Đại học thể dục thể thao Bắc Ninh.

[3]. Ngô Quang Huy (2016), *Nghiên cứu giải pháp đổi mới hoạt động của Trung tâm Giáo dục thể chất và thể thao Đại học Quốc gia Hà Nội*, luận án tiến sĩ khoa học giáo dục, Viện Khoa học thể dục thể thao Việt Nam.

[4]. Lê Thanh Hà (2018), *Nghiên cứu mô hình câu lạc bộ cầu lông trong một số trường đại học trên địa bàn Thành phố Hà Nội*, luận án tiến sĩ giáo dục học, trường Đại học thể dục thể thao Bắc Ninh.

[5]. Nguyễn Thế Tinh (2019), *Nghiên cứu ứng dụng các giải pháp thu hút và nâng cao hiệu quả tổ chức, khai thác các dịch vụ Thể dục Thể thao tại Đại học Huế, đề tài khoa học và công nghệ cấp Đại học Huế*.

[6]. Lê Cát Nguyên (2019), *Nâng cao chất lượng hoạt động thể dục, thể thao ngoại khóa cho sinh viên Đại học Huế*, Đề tài Khoa học và công nghệ cấp Đại học Huế.

[7]. Nguyễn Thế Tinh (2025), *Nghiên cứu xây dựng mô hình câu lạc bộ thể thao giải trí cho sinh viên Đại học Huế*, Đề tài Khoa học và công nghệ cấp Đại học Huế.

Phó Tổng biên tập phụ trách

PGS. TS. LÊ PHƯỚC MINH

Hội đồng biên tập

GS. TS. VŨ DŨNG

GS. TS. NGUYỄN THỊ MỸ LỘC

GS. TS. PHẠM HỒNG QUANG

GS. TS. THÁI VĂN THÀNH

GS. TS. NGUYỄN THỊ HOÀNG YẾN

Mr. DANNY GAUCH - HH TBGD THẾ GIỚI

PGS. TS. LÊ PHƯỚC MINH

PGS. TS. PHẠM VĂN SƠN

PGS. TS. NGUYỄN XUÂN THỨC

PGS. TS. Đại tá MAI VĂN HÓA

PGS. TS. DƯƠNG THỊ HOÀNG YẾN

PGS. TS. NGUYỄN VĂN ĐỆ

PGS. TS. BÙI VĂN HỒNG

PGS. TS. THÁI THẾ HÙNG

PGS. TS. LÊ VĂN GIÁO

PGS. TS. PHẠM VĂN THUẬN

PGS. TS. NGUYỄN MẠNH HƯỜNG

PGS. TS. TRẦN THỊ MINH HẰNG

PGS. TS. NGUYỄN NHƯ AN

PGS. TS. NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN

PGS. TS. LÊ HIẾU HỌC

PGS. TS. BÙI VĂN HÙNG

TS. BÙI ĐỨC TỬ

TS. THÁI VĂN LONG

Tòa soạn

P 47, nhà A1, số 68 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng,

TP. Hà Nội

Điện thoại: 024.36658762; Tel/zalo: 0988775566

Email: tapchitbgd@gmail.com.vn

Website: <https://vjol.info.vn/index.php/tctbgd>

Tài khoản: 0101613475555

Ngân hàng TMCP Quân đội,

chi nhánh Thăng Long Hà Nội

Giấy phép xuất bản:

Số 21/GP-BVHTTDL Ngày 21/04/2025

của Bộ Văn hóa Thể thao và du lịch

Thiết kế và Chế bản:

Đoàn Ngoan

In tại Công ty TNHH In - Thương mại

và Dịch vụ Nguyễn Lâm

Giá: 120.000đ (Một trăm hai mươi nghìn đồng)

MỤC LỤC

- ♦ **Nguyễn Công Thùy Trâm, Trần Mạnh Luân:** Thiết kế và sử dụng hình ảnh 3D trong dạy học chủ đề “Thực vật và Động vật” môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3 theo hướng phát triển năng lực nhận thức khoa học của học sinh. 1
- ♦ **Lê Nguyễn Trà My, Trần Thị Quỳnh Như, Nguyễn Hữu An, Lê Võ Như Thủy:** Thiết kế và xây dựng bộ lắp ghép mô hình STEM theo chủ đề “Năng lượng và sự biến đổi” trong môn Khoa học tự nhiên. 5
- ♦ **Nguyễn Thị Mai Thủy, Trần Thị Hồng:** Thiết kế chủ đề STEM trong dạy học số và phép tính nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học của học sinh lớp 2. 8
- ♦ **Nguyễn Thị Thanh Giang:** Ứng dụng phần mềm trí tuệ nhân tạo (AI) vào việc thiết kế đồ dùng dạy học hỗ trợ giáo viên trong giáo dục mầm non. 13
- ♦ **Phí Thị Hải Yến, Trần Thị Hương:** Chuyển đổi số trong giáo dục phổ thông: Ứng dụng trí tuệ nhân tạo và hệ sinh thái Microsoft 365 Copilot. 17
- ♦ **Nguyễn Thị Thúy Hòa:** Ứng dụng phần mềm Antconc trong xử lí ngữ liệu tiếng Việt - nghiên cứu trường hợp từ chỉ không gian “trên”. 22
- ♦ **Nguyễn Chiến Thắng, Vũ Thị Thùy Dung, Lê Thị Phương Trinh:** Thiết kế hoạt động thực hành và trải nghiệm trong dạy học hình học trực quan ở lớp 8. 25
- ♦ **Vương Vĩnh Phát:** Hỗ trợ giải toán hình học không gian lớp 11 bằng AI: Trường hợp giao điểm của đường thẳng và mặt phẳng. 28
- ♦ **Nguyễn Thị Thanh Trúc, Nguyễn Quang Vinh, Nguyễn Thị Thu Lan, Nguyễn Thị Trúc Mai:** Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong thiết kế bài giảng E-learning môn Pháp luật tại Trường Cao đẳng Giao thông vận tải. 31
- ♦ **Nguyễn Thị Bích Thủy:** Nghiên cứu, chế tạo thiết bị thực hành các dạng vận chuyển sản phẩm trong dây chuyền sản xuất tự động - ứng dụng đào tạo các mô-đun về điều khiển logic khả trình trong nghề Điện công nghiệp. 36
- ♦ **Lê Kim Anh, Dương Quốc Hiệu, Lưu Quốc Toàn, Lương Huy Chương:** Thiết kế và chế tạo mô hình điều khiển cho nguồn pin mặt trời kết hợp với tuabin gió. 39
- ♦ **Lê Phước Sơn, Trần Thúy Hiền:** Sử dụng Notebooklm hỗ trợ viết báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo. 42
- ♦ **Lê Thị Khánh Như:** Ứng dụng công nghệ số trong giai đoạn hiện nay đối với lĩnh vực kế toán. 46
- ♦ **Nguyễn Thị Tuyết Mai:** Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hoạt động tự học: Khảo sát tại khoa Đa phương tiện, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông. 49
- ♦ **Lê Thị Linh:** Ứng dụng ChatGPT trong giáo dục đại học: Nghiên cứu dựa trên động lực học tập của sinh viên ngành Công nghệ thông tin. 53
- ♦ **Vũ Thị Tú Anh:** Ảnh hưởng của trí tuệ nhân tạo (AI) trong học tập của sinh viên đa phương tiện. 57
- ♦ **Vũ Thùy Linh:** Sự ảnh hưởng của Chatbot và AI trong việc học ngoại ngữ. 62
- ♦ **Nguyễn Thị Thu Hiền:** Tác động của ChatGPT đến việc cải thiện kỹ năng viết học thuật của sinh viên chuyên ngành Tiếng Anh: Nghiên cứu trường hợp tại một trường đại học ở Hà Nội. 65
- ♦ **Tô Nguyễn Phương Loan:** Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong việc giảng dạy và học tập dịch thuật cho sinh viên chuyên Anh ở Trường Đại học An Giang. 69
- ♦ **Đỗ Hà Lan:** Trí tuệ nhân tạo trong phát triển nghề nghiệp của giáo viên tiếng Anh. 72
- ♦ **Vũ Thị Huyền Trang:** Ứng dụng ChatGPT tạo chuỗi bài đọc cùng chủ đề nhằm nâng cao khả năng học từ vựng cho người học tiếng Anh trình độ B1. 75
- ♦ **Hoàng Minh Nguyệt:** Tìm hiểu về lợi ích của việc ứng dụng công nghệ AI vào giảng dạy tiếng Anh. 78
- ♦ **Phạm Thái Sơn:** Nâng cao hiệu quả sử dụng ChatGPT trong hỗ trợ học kỹ năng viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ tại các trường đại học hiện nay. 81
- ♦ **Thái Thị Khương, Đoàn Đức Hiếu:** Chuyển đổi số trong giảng dạy lý luận chính trị cho sinh viên Đại học Huế: Thực trạng và giải pháp hiện nay. 85
- ♦ **Nguyễn Thành Nghĩa, Nguyễn Thị Bình:** Chuyển đổi số trong công tác hành chính tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh. 88

- ◆ **Lê Anh Cường:** Nghiên cứu phương pháp xử lý số liệu quan trắc tự động bằng máy toàn đạc điện tử tự động phục vụ cho giảng dạy sinh viên ngành Kỹ thuật trắc địa - bản đồ. 93
- ◆ **Phạm Văn Thống:** Nghiên cứu và tính toán mô phỏng quy luật chuyển số trong hộp số tự động A140e trên xe Camry. 97
- ◆ **Đỗ Văn Dương, Vương Thị Hòa:** Ứng dụng viễn thám và Gis trong ước tính trữ lượng cacbon Rừng ngập mặn tại vườn quốc gia Xuân Thủy, tỉnh Ninh Bình. 100
- ◆ **Nguyễn Lê Hà:** Chuyên đổi số trong giáo dục – xu hướng phát triển tất yếu. 104
- ◆ **Đặng Đức Chính:** Ứng dụng công nghệ số nhằm thúc đẩy tự học tiếng Anh cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. 107
- ◆ **Phạm Thị Thanh, Nguyễn Thị Hòa:** Nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo cho sinh viên khối ngành sư phạm tại Trường Đại học Hải Dương. 111
- ◆ **Lê Thị Cẩm Lệ:** Vận dụng lý thuyết của Bloom để thiết kế bài tập môn Khoa học lớp 4. 114
- ◆ **Trương Thị Thanh Mai, Nguyễn Thị Mỹ Lê:** Tích hợp giáo dục thiên nhiên và môi trường thành phố Đà Nẵng trong dạy học môn Khoa học lớp 4. 117
- ◆ **Trịnh Quang Thâm:** Nghị quyết 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: Vai trò và sứ mệnh của đội ngũ giáo viên phổ thông. 120
- ◆ **Vương Chấn Nguyên, Nguyễn Thị Phương Hồng:** Tiếp xúc với tiếng Anh bên ngoài lớp học: Yếu tố hỗ trợ sinh viên không chuyên ngữ thành công thi kỹ năng nghe VSTEP. 123
- ◆ **Lê Thanh Thủy:** Lợi ích của sử dụng Communicative language teaching trong dạy học kỹ năng nói tiếng Anh cho sinh viên không chuyên. 127
- ◆ **Nguyễn Văn Dương:** Thực trạng hoạt động dạy học môn Tiếng Anh ở các trường tiểu học huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. 130
- ◆ **Bùi Thị Hằng:** Khó khăn trong quá trình tổ chức hoạt động nghe cho sinh viên năm thứ nhất hệ không chuyên. 134
- ◆ **Bùi Thị Ánh Ngọc:** Đánh giá kỹ năng nói trong giáo trình “Unlock 3 - listening and speaking skills” từ góc độ của người dạy. 137
- ◆ **Phạm Thị Diệu Ánh:** Các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tương tác của học sinh trong các lớp học tiếng Anh tiểu học. 140
- ◆ **Lỗ Thị Nhung:** Biện pháp tổ chức, quản lý giờ học tiếng Anh nhằm nâng cao chất lượng dạy học cho sinh viên không chuyên ngữ Trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình. 143
- ◆ **Do Khoa, Vo Thi Anh Nguyet, Nguyen Ngoc Tuyen:** Web-based language testing: Opportunities, challenges, and considerations. 146
- ◆ **Trần Xuân Hào:** Enhancing interpreting competence in English majored students: Challenges and pedagogical implications. 149
- ◆ **Phùng Thị Hoà:** Using chatbot on facebook’s messenger platform to learn English vocabulary. 153
- ◆ **Phạm Thu Tra:** Some writing raters’ errors in vstep and suggestions for improvement. 157
- ◆ **Phùng Thị Minh Ngọc:** Đối chiếu nhóm phó từ phủ định trong tiếng Việt và tiếng Anh. 161
- ◆ **Do Thi Khắc Bình:** Pedagogical approaches to enhancing speaking skills among first-year non-English majors at Dong Nai University. 164
- ◆ **Nguyễn Thị Loan, Trần Nguyễn Phương Trinh:** Exploring common errors in English narrative writing among non-English-major freshmen: A case study at eastern technology university. 167
- ◆ **Đoàn Tường Loan:** Đổi mới phương pháp giảng dạy ngoại ngữ trong bối cảnh chuyển đổi số: Cơ hội và thách thức. 170
- ◆ **Nguyễn Thị Diễm Thúy:** Sử dụng một số các kinh nghiệm thực tiễn trong việc giảng dạy môn Tiếng Trung du lịch cho sinh viên năm 3 tại Trường Đại học Công thương thành phố Hồ Chí Minh. 173
- ◆ **Nguyễn Lam Vân Anh, Nguyễn Trần Huỳnh Mai, Phạm Trần Như Quỳnh:** Nghiên cứu mức độ hài lòng của sinh viên về các hoạt động hỗ trợ nhằm phát triển kỹ năng tiếng Pháp dành cho sinh viên chuyên ngữ tại Đại học Cần Thơ. 176
- ◆ **Trần Thanh Minh:** So sánh loại động từ “*含/ngâm*” trong tiếng Trung và tiếng Việt. 179
- ◆ **Nguyễn Thuỳ Dương:** Cách đưa phản hồi trong dạy học tiếng Việt và tiếng Anh dưới góc độ liên ngữ giao văn hóa. 182
- ◆ **Vũ Minh Hiếu, Nguyễn Huy Hoàng:** Mô hình giáo dục 5T (Thực tiễn - Tương tác - Tùy biến - Tích cực - Trí nhớ) trong giảng dạy tiếng Trung trực tuyến. 185
- ◆ **Võ Thị Diễm My, Nguyễn Thị Diễm Kiều:** Hiện trạng học ngôn ngữ mạng Trung Quốc của sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc. 189
- ◆ **Nguyễn Thị Thu Hà:** Giáo dục đạo đức cho học sinh thông qua các tiết học Ngữ văn tại Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Thực hành Sư phạm Nghệ An. 193

- ◆ **Lê Thị Thắm:** Nâng cao kỹ năng viết văn cho học sinh trung học cơ sở tại Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Thực hành Sư phạm Nghệ An. 196
- ◆ **Nguyễn Thị Thanh Tuyền:** Sử dụng các phương pháp dạy học tích cực trong viết văn tả cảnh cho học sinh lớp 5. 199
- ◆ **Nguyễn Thị Hoài Dung:** Vận dụng trò chơi học tập nhằm nâng cao hiệu quả dạy các bài đọc môn Tiếng Việt lớp 4 theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. 203
- ◆ **Đinh Thị Thu Hiền:** Dạy học các bài thực hành về từ ngữ trong Chương trình Ngữ văn trung học phổ thông theo quan điểm giao tiếp. 206
- ◆ **Huỳnh Thị Ngọc Kiều:** Nâng cao hiệu quả dạy học đọc hiểu văn bản thơ trong Chương trình Ngữ văn lớp 6 tại các trường THCS phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi. 209
- ◆ **Nguyễn Phong Thu:** Giảng dạy và nghiên cứu ngôn ngữ tiếng Việt: Lý luận, thực tiễn và hướng phát triển. 213
- ◆ **Lăng Thị Hồng Nhung, Hoàng Văn Hiếu:** Truyện Pà Thèn - ngữ liệu quý cho Chương trình Giáo dục địa phương ở Tuyền Quang. 216
- ◆ **Lê Kim Ngân, Nguyễn Trọng Hiếu:** Xây dựng môi trường học tập phong phú để kích thích khả năng cảm nhận nghệ thuật trong dạy học đọc cho học sinh lớp 4. 219
- ◆ **Phạm Văn Duy, Trần Hữu Nhật Hoàng:** Xây dựng Chương trình đào tạo Kèn Clarinet theo định hướng ứng dụng và phát triển kỹ năng toàn diện cho sinh viên cao đẳng âm nhạc khoa Nghệ thuật, Trường Đại học Khánh Hòa. 223
- ◆ **Hoàng Thị Huệ, Hà Thị Thuý:** Đào tạo thanh nhạc tại khoa Nghệ thuật Trường Đại học Khánh Hòa: Hướng tới một nền giáo dục toàn diện cho nghệ sĩ thế kỉ 21. 226
- ◆ **Trần Thị Sang, Nguyễn Văn Tài:** Bàn về đặc điểm âm nhạc và phong cách sáng tác trong các ca khúc nghệ thuật của Rachmaninoff. 229
- ◆ **Nguyễn Hoàng Linh Trang:** Bộ sách “Hồ Chí Minh toàn tập” với dạy học nội dung Cách mạng Tháng tám năm 1945 (lịch sử lớp 12). 233
- ◆ **Nguyễn Thị Thắm, Nguyễn Hữu Hào:** Giá trị lịch sử của Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam. 236
- ◆ **Nguyễn Bá Thăng:** Phát huy tư tưởng Hồ Chí Minh về “lấy dân làm gốc” trong sự nghiệp bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa thời kỳ mới. 239
- ◆ **Lê Thị Thu Hương, Nguyễn Hồng Nhung:** Phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng cho học sinh lớp 12 thông qua bài tập lịch sử khi dạy học Chủ đề “Hồ Chí Minh trong lịch sử Việt Nam” ở trường trung học phổ thông. 242
- ◆ **Lê Thanh Phong:** Một số nội dung đổi mới quá trình dạy - học Học phần “Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật” cho sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp. 245
- ◆ **Nguyễn Công Thắng:** Nâng cao chất lượng giáo dục quốc phòng và an ninh tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh: Thực trạng và giải pháp. 248
- ◆ **Nguyễn Văn Lâm:** Ứng dụng trí tuệ nhân tạo nâng cao chất lượng giáo dục quốc phòng, an ninh cho sinh viên trong bối cảnh hiện nay. 251
- ◆ **Cao Xuân Sum:** Tăng cường giáo dục chủ quyền biển, đảo cho sinh viên thông qua Chương trình Giáo dục Quốc phòng và An ninh tại Trường Đại học Trà Vinh. 254
- ◆ **Trần Kiên, Võ Văn Trí:** Giáo dục ý thức bảo vệ tổ quốc cho sinh viên thông qua môn Giáo dục Quốc phòng và An ninh. 257
- ◆ **Nguyễn Đức Dân:** Nâng cao ý thức, trách nhiệm của sinh viên trong việc tham gia xây dựng phong trào bảo vệ an ninh quốc gia thông qua môn học Giáo dục Quốc phòng và An ninh. 260
- ◆ **Lữ Bảo Khánh:** Vận dụng dạy học theo dự án trong dạy học môn Hóa học trên cơ sở mô hình PPDAC phát triển năng lực số cho học sinh. 263
- ◆ **Nguyễn Thị Phượng Liên, Trần Thị Ngọc Hà:** Vận dụng phương pháp dạy học khám phá trong dạy học phần Kim loại nhằm phát triển năng lực tìm hiểu thế giới tự nhiên dưới góc độ hóa học cho học sinh lớp 12. 267
- ◆ **Nguyễn Tuấn Anh, Đậu Xuân Doanh:** Đổi mới tuyển sinh đại học theo đánh giá năng lực tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh: Kiểm soát chuẩn đầu vào - đầu ra. 271
- ◆ **Phạm Hoàng Phương:** Chiến lược phát triển đội ngũ cán bộ nữ lãnh đạo, quản lý ở đồng bằng sông Cửu Long trong kỷ nguyên số và hội nhập quốc tế. 274
- ◆ **Võ Thị Kim Hoa:** Xây dựng chiến lược dữ liệu số và nền tảng giáo dục thông minh tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh. 278
- ◆ **Nguyễn Thị Trúc Quỳnh:** Văn hoá ứng xử trên không gian mạng của sinh viên Học viện Hành chính và Quản trị công. 282
- ◆ **Đào Thị Tuyết Thanh:** Thực trạng và giải pháp vận dụng mô hình lớp học đảo ngược trong giảng dạy học phần Xác suất thống kê tại Trường Đại học Hải Dương. 285
- ◆ **Hoàng Bình Minh:** Thiết kế cấu trúc mới cho vải dệt thoi - kiểu dệt vân chéo gầy xiên đa đỉnh phục vụ hoạt động dạy học ngành Kỹ thuật dệt tại Trường Vật liệu Đại học Bách khoa Hà Nội. 288
- ◆ **Dương Thị Thuý:** Ứng dụng nghiên cứu phương pháp thiết kế quần âu cho người bụng phệ trong đào tạo ngành Công nghệ may. 291

- ♦ **Lê Thanh Thế:** Hoạt động trải nghiệm STEM rèn luyện năng lực công nghệ cho học sinh phổ thông. 295
- ♦ **Phạm Thị Minh Nguyệt, Vũ Thị Thu Trúc:** Phát triển năng lực số cho học sinh trung học cơ sở qua dạy học môn Công nghệ theo tiếp cận STEM. 298
- ♦ **Bùi Thị Phương Thùy:** Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội định vị thương hiệu trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo (AI). 302
- ♦ **Lương Thị Lan, Nguyễn Thị Hoa:** Kết quả thực nghiệm các biện pháp giáo dục kỹ năng lao động trên một trường hợp học sinh khuyết tật trí tuệ đầu cấp tiểu học hoà nhập. 307
- ♦ **Nguyễn Quang Ninh:** Phân tích và đánh giá hiệu năng của các thuật toán sắp xếp phổ biến trên tập dữ liệu lớn. 310
- ♦ **Triệu Thị Phương, Đặng Quế Ngọc:** Thực trạng dạy học số học trong môn Toán lớp 1 theo định hướng học tập trải nghiệm. 314
- ♦ **Nguyễn Thị Thanh Huyền:** Một số suy nghĩ về chuẩn mực đạo đức mới của sinh viên Việt Nam hiện nay. 317
- ♦ **Trần Thị Hiền, Lê Thị Minh Thủy:** Phân tích và so sánh các mô hình quản lý dự án phần mềm. 320
- ♦ **Trần Ngọc Minh Trang:** Vấn đề giáo dục cho học sinh dân tộc thiểu số: Đừng để ai ở lại phía sau. 323
- ♦ **Phạm Chính Trục:** Nâng cao năng lực tự học và tự nghiên cứu của sinh viên thông qua phương pháp học kết hợp. 326
- ♦ **Lê Thuận Thái Hòa, Trương Quốc Khánh:** Giải pháp nói không với thuốc lá trong trường học. 329
- ♦ **Phạm Thị Hồng Phú, Đào Thị Hồng:** Mức độ thực hiện kỹ năng phối hợp khi tham gia hoạt động học tập trên lớp của sinh viên. 332
- ♦ **Trịnh Văn Quy:** Khoa học và công nghệ cho phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam. 335
- ♦ **Đặng Hoàng Anh:** Ứng dụng công nghệ số và thiết bị mô phỏng trong giáo dục pháp luật giao thông đường bộ. 338
- ♦ **Vũ Quang Ngọc:** Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng đào tạo ở Đại học Bách khoa Hà Nội. 341
- ♦ **Cù Văn Hoàng, Dương Đại Tài:** Thực trạng mức độ hài lòng của sinh viên đối với môn Giáo dục thể chất tại Trường Đại học Khoa học tự nhiên - Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh. 344
- ♦ **Đinh Thị Minh:** Thực trạng phong trào tập luyện môn Taekwondo của học sinh lứa tuổi 13 – 15 tại quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh. 347
- ♦ **Phạm Thị Dịu:** Đánh giá hiệu quả một số bài tập phát triển thể lực chuyên môn cho nữ vận động viên bơi lứa tuổi 11-12 tuổi tại Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao thành phố Hồ Chí Minh. 350
- ♦ **Trịnh Xuân Hồng, Trần Thị Thuỳ Linh, Trần Thanh Tú, Nguyễn Văn Cường, Nguyễn Thị Quỳnh Nga:** Nghiên cứu thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến tổ chức hoạt động của đội tuyển bóng đá nam sinh viên Đại học Huế. 353
- ♦ **Lê Văn Nhựt:** Đánh giá hiệu quả của các bài tập vận động đối với sức bền và khả năng phối hợp của sinh viên. 356
- ♦ **Nguyễn Thành Cao:** Xây dựng Chương trình Giáo dục thể chất theo hướng phát triển năng lực cho sinh viên. 359
- ♦ **Nguyễn Ngọc Chơn Tâm, Đào Thị Trúc Linh:** Vai trò hình mẫu của cha mẹ trong giáo dục thói quen vận động thể chất cho trẻ em. 362
- ♦ **Cao Thị Thu:** Nhận diện rủi ro trong Logistics và giải pháp nâng cao hiệu quả quản trị hoạt động rủi ro trong Logistics. 365
- ♦ **Nguyễn Chiến Thắng, Phạm Thị Thùy Linh:** Thu thập và phân loại dữ liệu trong mạch kiến thức thống kê và xác suất ở lớp 8. 368
- ♦ **Nguyễn Trâm Anh, Trần Thị Hương:** Thực trạng tổ chức dạy học tích hợp theo chủ đề trong giáo dục phát triển ngôn ngữ cho trẻ 5-6 tuổi: Nghiên cứu trường hợp tại Trường Mầm non X, thành phố Hồ Chí Minh. 371
- ♦ **Hoàng Thị Khánh Hoa:** Cơ sở lý luận của phát triển kỹ năng vận động bật - nhảy cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi. 375
- ♦ **Nguyễn Ngọc Kim Phúc, Phạm Phương Tâm:** Phát triển đội ngũ giáo viên trường mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. 378
- ♦ **Trần Thị Yến:** Kết quả thực nghiệm các biện pháp phát triển kỹ năng tiền đọc thông qua trò chơi học tập cho một trẻ khuyết tật trí tuệ 5 tuổi. 381
- ♦ **Lương Thị Nhân:** Nâng cao kỹ năng thực hành trong dạy học phần Phòng bệnh và Đảm bảo an toàn cho trẻ đối với sinh viên ngành Giáo dục mầm non Trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình. 385
- ♦ **Trương Thị Chanh:** Lý luận quản lý hoạt động trải nghiệm khám phá môi trường xung quanh cho trẻ 5 tuổi ở các trường mầm non phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau. 388
- ♦ **Nguyễn Thị Điệp:** Quản lý xây dựng môi trường học tập tích cực và sáng tạo cho học sinh các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. 391
- ♦ **Dương Thị Hải Yến:** Biện pháp quản lý dạy học môn Đạo đức lớp 5 ở trường tiểu học tại Lạng Giang, tỉnh Bắc Ninh theo hướng phát triển phẩm chất nhân ái cho học sinh. 394
- ♦ **Huỳnh Thị Loan Trinh, Đoàn Thị Trang Hiền:** Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định quay lại lưu trú tại khách sạn xanh của khách du lịch - nghiên cứu phục vụ hoạt động dạy học tại Trường Đại học Khánh Hòa. 397